

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**  
To: State Securities Commission of Vietnam

1	<b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b> Management Fund Company name:	<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư MB/</b> MB Capital Management Joint Stock Company
2	<b>Tên Ngân hàng giám sát:</b> Supervisory bank:	<b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</b> Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
3	<b>Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>Quỹ đầu tư Trái phiếu MB /</b> MB Bond Fund
5	<b>Kỳ báo cáo</b> (Reporting period)	<b>04/09/2024</b> September 4, 2024
6	<b>Ngày lập báo cáo</b> (Reporting date)	<b>05/09/2024</b> September 5, 2024

**I. Đối với quỹ định giá hàng ngày/ For fund with daily Valuation**

**Đơn vị tính: VND**  
**Unit: VND**

STT No.	CHỈ TIÊU Criteria	Kỳ báo cáo này This period 04/09/2024	Kỳ báo cáo trước Last period 03/09/2024
1	<b>Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value (NAV)</b>		
1.1	<i>của quỹ/ per Fund</i>	229,634,804,336	229,414,762,636
1.2	<i>của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of ETF Fund Certificate</i>		
1.3	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	14,845.00	14,842.00
2	<b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)/ Foreign Investors' Ownership Ratio</b>		
2.1	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates</i>	1,097.60	1,097.60
2.2	<i>Tổng giá trị/ Total value</i>	16,293,872	16,290,579
2.3	<i>Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio</i>	0.01%	0.01%

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành  
Dương Thanh Dũng  
Phó Giám đốc Phòng GD&DV Chứng khoán

Công Ty CP Quản Lý Quỹ Đầu tư MB